

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-PT

Ngày: 18-6-2021

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần và ông Trần Anh Tuan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2021/TLPT-HNGĐ ngày 06/5/2021, về việc *“Tranh chấp hôn nhân gia đình”*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST, ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 11/2021/QĐ-PT, ngày 18/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thiên V - sinh năm 1986; địa chỉ: Đường N, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho chị V: Ông Vũ Trọng T1 – Luật sư Văn phòng Luật sư HD – Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Đường P, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Anh U - sinh năm 1985; địa chỉ: Đường H1, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị D; cùng địa chỉ: Đường H1, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk; ông H, bà D đều có mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Thiên V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thiên V trình bày:***

Về hôn nhân: Chị V và anh Đỗ Anh U đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T2, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2012. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến

cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị V xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên tôi xin được ly hôn anh U.

Về con chung: Chị V và anh U có 02 con chung là cháu Đỗ Thiên Minh A – Sinh ngày 07/01/2017 và cháu Đỗ Anh U1 – sinh ngày 24/7/2017. Chị V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, về cấp dưỡng nuôi con thì do anh U tự nguyện, chị V không có yêu cầu gì. Nếu không được tòa án chấp thuận nuôi cả hai con thì chị V xin nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh U1, giao cháu Đỗ Thiên Minh A cho anh U nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị V đề nghị Tòa án giải quyết phân chia các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với căn nhà và đất tại địa chỉ số 0 đường H1, phường T2, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật mỗi người được 50% giá trị tài sản.

- Đối với chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 47A-170.26 đứng tên ông Đỗ Anh U thì chị V đồng ý với mức giá trị còn lại của chiếc xe trên là 450.000.000 đồng. Khi ly hôn chị V đồng ý để anh U quản lý chiếc xe trên và anh U có trách nhiệm bù giao lại cho chị V phần chênh lệch là 225.000.000 đồng.

*** Bị đơn anh Đỗ Anh U trình bày:**

Về quá trình đăng ký kết hôn và có con chung như chị V trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng, bản thân anh U cũng rất muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên chị V vẫn kiên quyết xin ly hôn nên anh U chấp nhận ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh U có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được tòa án chấp thuận nuôi cả hai con thì anh U xin nuôi dưỡng cháu Đỗ Anh U1, giao cháu Đỗ Thiên Minh A cho chị V nuôi dưỡng.

Về tài sản chung:

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với căn nhà và đất tại địa chỉ số 0 đường H1, phường T2, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là tài sản của bố mẹ anh U là ông Đỗ Minh H, bà Trần Thị D, không phải là tài sản của anh U và chị V.

- Về chiếc xe ô tô biển kiểm soát 47A-170.26 thì anh U thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng tôi. Anh U xác định giá trị còn lại của chiếc xe trên khoảng 450.000.000 đồng. Nếu tòa án giải quyết phân chia đối với tài sản là chiếc xe trên thì nguyện vọng của anh U là sẽ quản lý sử dụng xe vì anh U đang là người đứng tên và sẽ có trách nhiệm giao phần giá trị chênh lệch cho chị V theo mức giá Tòa án giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị D trình bày:**

Về tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 0 đường H1, phường T2, Tp. T, tỉnh Đắk Lắk là tài sản của vợ chồng ông H bà D mua của ông Lê Công O, việc tiến hành mua bán do chính ông Đỗ Minh H và vợ là bà Trần Thị D thực hiện. Việc để cho chị Nguyễn Thị Thiên V và anh Đỗ Anh U đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là để thuận tiện cho các cháu làm thủ tục hộ khẩu hoặc cho các cháu đi học, chứ vợ chồng ông H bà D chưa cho tài sản này. Do đó, ông H bà D xác định đây là tài sản của vợ chồng ông H bà D và không đồng ý với yêu cầu của chị V về phân

chia tài sản trên. Chúng tôi không ký hợp đồng tặng cho cho anh U, chị V và vẫn đang giữ giấy tờ gốc nhà, đất.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST, ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 241; Điều 246; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 33, khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng: khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên V về việc “*Tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung*”.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thiên V và anh Đỗ Anh U.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh U và chị V: Giao con chung Đỗ Thiên Minh A – Sinh ngày 07/01/20 số 0 cho anh Đỗ Anh U và giao con chung Đỗ Anh U1 – sinh ngày 24/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Thiên V nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên không đặt ra.

- Anh Đỗ Anh U được chia tài sản trị giá 4.073.967.000đ. Chị V được chia tài sản trị giá 652.663.000đ.

- Giao cho anh Đỗ Anh U được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt các tài sản sau:

Quyền sử dụng đất theo Giấy GCNQSD đất số CM 144374 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 2/12/2017, số thửa 15, tờ bản đồ số 1, diện tích 293,8m². Có tứ cận: Phía đông giáp đường hẻm C có chiều ngang 7,4m; Phía tây giáp đường H1 dài 7,36m; Phía nam giáp thửa đất số 14 dài 40,01m; Phía bắc giáp thửa đất số 12 dài 39,63m. Trên đất có một căn nhà xây cấp 4 diện tích nhà 95,3m², tọa lạc tại địa chỉ: số 0 đường H1, phường T2, Tp. T, tỉnh Đắk Lắk. anh U có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có nhu cầu.

01 xe ô tô nhãn hiệu Mada Biển kiểm soát 47A-170.26. Người đứng tên trên giấy đăng ký xe anh Đỗ Anh U.

- Anh Đỗ Anh U có nghĩa vụ giao cho chị Nguyễn Thị Thiên V giá trị tài sản được chia với số tiền 652.663.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/3/2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét yêu cầu của chị V đối với tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất tại số 0 đường H1, Tp. T, tỉnh Đắk Lắk theo hướng công nhận tài sản chung, định giá lại tài sản theo giá thị trường và chia theo tỷ lệ mỗi người 50%.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thiên V giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có quan điểm như sau:

- Về phần thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đối với nhà, đất tại số 0 đường H1 có căn cứ xác định là tài sản của ông H, bà D. Chị V cho rằng ông H, bà D cho tiền để mua đất nhưng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, kháng cáo yêu cầu công nhận nhà, đất tại số 0 đường H1 của chị V là không có căn cứ.

Đối với phần tôn tạo tài sản là không có cơ sở vì giá trị nhà đất tăng lên (10%) là do biến động thị trường, anh U, chị V không có chứng cứ chứng minh việc sửa chữa, làm mới, làm tăng giá trị tài sản. Tuy nhiên, anh U tự nguyện trả cho chị V số tiền 427.663.000 đồng nên cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

Về yêu cầu định giá lại tài sản của chị V: Xét thấy đây không phải là tài sản chung vợ chồng và anh U, chị V không tôn tạo làm tăng giá trị tài sản nên việc định giá lại tài sản không có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án. Do đó, kháng cáo của chị V đối với nội dung này là không có căn cứ để chấp nhận.

Bản án sơ thẩm nhận định nhà, đất tại số 0 đường H1 không phải tài sản chung vợ chồng nhưng không tuyên bác một phần yêu cầu khởi kiện mà lại tuyên chia cho anh U tài sản trị giá 4.073.967.000 đồng và giao cho anh U được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt và yêu cầu chỉnh lý biến động sang tên nhà, đất là giải quyết vượt quá phạm vi tài sản vợ chồng, từ đó, buộc anh U chịu 112.073.967 đồng án phí có giá ngạch là không đúng, mà anh U chỉ chịu án phí đối với giá trị $\frac{1}{2}$ xe ô tô là 225.000.000 đồng.

Từ đó, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị V – Sửa một phần bản án sơ thẩm về tài sản chung và án phí như phân tích trên.

Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trưng tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét yêu cầu định giá lại tài sản là nhà, đất tại số 0 đường H1 của chị Nguyễn Thị Thiên V vì giá thị trường của thửa đất đang tranh chấp tăng lên gấp đôi so với thời điểm định giá tại cấp sơ thẩm: Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm. Trường hợp hủy án sơ thẩm hoặc Hội đồng xét xử xác định nhà, đất trên không phải tài sản chung vợ chồng thì việc định giá lại tài sản là không cần thiết. Trường hợp HĐXX xác định nhà, đất trên là tài sản chung vợ chồng thì phiên tòa sẽ tạm ngưng để tiến hành định giá nhà, đất tại số 0 đường H1.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thiên V về yêu cầu công nhận tài sản chung và chia đôi tài sản là nhà, đất tại số 0 đường H1, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nhà, đất tại số 0 đường H1 có nguồn gốc là do ông H, bà D thỏa thuận mua bán với ông Lê Công O; và ông H, bà D là người trực tiếp thanh toán tiền mua nhà cho ông O; việc này đều được các đương sự thừa nhận. Khi ký Hợp đồng chuyển nhượng có công chứng thì ông H, bà D chỉ nhờ anh U, chị V đứng tên để tiện cho việc nhập khẩu và học hành của các cháu. Thực tế, đến nay, ông H, bà D là người giữ toàn bộ giấy tờ gốc nhà, đất. Ông H, bà D xác định chưa cho anh U, chị V nhà, đất tại số 0 đường H1 và từ khi nhận chuyển nhượng thì ông H là người đóng thuế nhà, đất đến nay.

Chị V trình bày tiền mua đất được ông H, bà D cho, nhưng ông H, bà D, anh U đều không thừa nhận và chị V cũng không có chứng cứ gì để chứng minh nên trình bày này của chị V là không có cơ sở. Nay chị V kháng cáo yêu cầu công nhận nhà, đất trên là tài sản chung vợ chồng và yêu cầu chia đôi là không có căn cứ.

Chị V trình bày tiền mua đất là của ông H, bà D nhưng ông H, bà D đã cho anh U chị V số tiền mua nhà, đất trên; tuy nhiên, ông H, bà D và anh U đều không thừa nhận việc cho tiền mua đất. Do đó, cấp sơ thẩm xác định nhà, đất trên không phải là tài sản chung vợ chồng, là có căn cứ.

Cấp sơ thẩm xác định nhà, đất tại số 0 đường H1 là tài sản của ông Đỗ Minh H và bà Trần Thị D nhưng lại chia tài sản này cho anh U và buộc anh U chịu án phí đối với giá trị nhà, đất được chia; đồng thời tuyên giao cho anh U được quyền quản lý, sử dụng và định đoạt tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất và có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên trên Giấy CNQSD đất khi có nhu cầu; là không đúng quy định pháp luật.

Bên cạnh đó, cấp sơ thẩm chưa giải thích cho ông H, bà D về quyền yêu cầu độc lập là thiếu sót. Vì nhà, đất của ông H, bà D liên quan đến công sức quản lý của anh U, chị V, nên tạm giao cho anh U quản lý khi nào ông H, bà D khởi kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện riêng là phù hợp.

Mặt khác, công sức quản lý tài sản các bên thỏa thuận là 10% (số tiền 427.663.000 đồng) giá trị nhà, đất; lẽ ra vợ chồng ông H, bà D phải trả cho chị V vì đây là tài sản của ông H, bà D; nhưng lại tuyên anh U phải trả cho chị V giá trị 10% trên là không hợp lý. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh U đồng ý và không có kháng cáo, cũng như không có kháng nghị đối với phần trên, nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm và đã có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, chấp nhận việc anh U tự nguyện giao cho chị V số tiền là 427.663.000 đồng đồng và $\frac{1}{2}$ giá trị xe ô tô là số tiền 225.000.000 đồng, tổng cộng là 652.663.000 đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Chị V phải chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng (652.663.000 đồng) là 32.633.150 đồng và án phí không có giá ngạch đối với phần tài sản không được chấp nhận (2.138.315.000 đồng) là 300.000 đồng.

Án sơ thẩm tuyên anh U phải chịu 112.073.967 đồng án phí chia tài sản là không đúng. Bởi lẽ, anh U chỉ được hưởng tài sản là $\frac{1}{2}$ giá trị xe ô tô biển số 47A-170.26 là 225.000.000 đồng; như vậy, án phí mà anh U phải chịu là: $5\% \times 225.000.000đ = 11.250.000$ đồng.

Từ những lập luận trên, xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thiên V – Sửa bản án sơ thẩm về phần tài sản và án phí.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên chị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần liên quan đến đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị Thiên V – Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2021/HNGĐ-ST, ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần tài sản và án phí.

[2] Về tài sản chung:

[2.1] Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản số thửa 15, tờ bản đồ số 1, diện tích 293,8m² theo Giấy GCNQSD đất số CM 144374 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/12/2017 mang tên ông Đỗ Anh U và bà Nguyễn Thị Thiên V.

[2.2] Chị Nguyễn Thị Thiên V được chia tài sản là $\frac{1}{2}$ giá trị xe ô tô biển số 47A-170.26, tương đương 225.000.000 đồng và số tiền anh U tự nguyện cho chị V là 427.663.000 đồng. Tổng số tiền 652.663.000 đồng.

[2.3] Giao cho anh Đỗ Anh U được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản là 01 xe ô tô nhãn hiệu Mada Biển kiểm soát 47A-170.26. Người đứng tên trên giấy đăng ký xe ông Đỗ Anh U và có nghĩa vụ trả cho chị V $\frac{1}{2}$ giá trị xe ô tô và công quản lý tài sản với tổng số tiền 652.663.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.4] Tạm giao cho anh Đỗ Anh U tiếp tục quản lý, sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 0 đường H1, phường T2, Tp. T, tỉnh Đắk Lắk.

Tách phần nhà, đất tại số 0 đường H1 đang tranh chấp để thụ lý giải quyết thành vụ án khác khi ông Đỗ Minh H, bà Trần Thị D có đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí.

[3] Về chi phí thẩm định, định giá: Chị Nguyễn Thị Thiên V phải chịu 3.000.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền 3.000.000đ đã nộp theo phiếu thu số 11 ngày 08/01/2021 của TAND Tp. Buôn Ma Thuột.

[4] Về án phí: Áp dụng vào Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thiên V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 32.633.150 đồng án phí chia tài sản và 300.000 đồng tiền án phí đối với yêu cầu chia tài sản không được pháp nhận. Tổng cộng là 33.233.150 đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0012848, ngày 11/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Hoàn trả lại cho chị V số tiền là 8.066.850 đồng.

Anh Đỗ Anh U phải nộp 11.250.000 đồng án phí chia tài sản.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho chị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 60AA/2021/0003822 ngày 08/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. T, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Tuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đình Triết